

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt  
(Áp dụng cho đơn vị sử dụng nước)

A. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên đơn vị sử dụng nước: Chi nhánh công ty Cổ phần Bệnh viện ĐKQT Vinmec - Bệnh viện ĐKQT Vinmec Times City
- 2. Địa chỉ: 458 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hà Nội
- 3. Công suất bể chứa: 600m<sup>3</sup> /Tổng số dân được cung cấp: 2000
- 4. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh công ty TNHH một thành viên nước sạch Hà Nội – Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Hoàng Mai
- 5. Thời gian kiểm tra: ngày 13 tháng 08 năm 2025
- 6. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước: Lấy 2 mẫu nước tại bể chứa nước bệnh viện và bếp ăn bệnh viện

B. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

| TT | Mã số mẫu, lấy mẫu<br>Các thông số | 1               | 2               | Đơn vị tính              | Giới hạn tối đa cho phép | Đánh giá (đạt/không đạt) |
|----|------------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|    | Thông số nhóm A                    |                 |                 |                          |                          |                          |
|    | a. Thông số vi sinh vật            |                 |                 |                          |                          |                          |
| 1  | Coliform tổng số                   | 0               | 0               | CFU/100mL hoặc MPN/100mL | <1                       | Đạt                      |
| 2  | E.coli hoặc coliform chịu nhiệt    | 0               | 0               | CFU/100mL hoặc MPN/100mL | <1                       | Đạt                      |
|    | b. Thông số cảm quan và hóa học    |                 |                 |                          |                          |                          |
| 3  | Màu sắc                            | KPH             | KPH             | TCU                      | 15                       | Đạt                      |
| 4  | Mùi                                | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ | -                        | Không có mùi lạ          | Đạt                      |
| 5  | pH                                 | 6,80            | 6,88            | -                        | Trong khoảng 6,0-8,5     | Đạt                      |
| 6  | Độ đục                             | KPH             | KPH             | NTU                      | 2                        | Đạt                      |
| 7  | Asen (Arsenic) (As)                | 0,003           | 0,002           | mg/L                     | 0.01                     | Đạt                      |
| 8  | Clo dư tự do                       | 0,42            | 0,20            | mg/L                     | Trong khoảng 0,2-1,0     | Đạt                      |
| 9  | Permanganat                        | <0,5            | <0,5            | mg/L                     | 2                        | Đạt                      |
| 10 | Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)    | KPH             | KPH             | mg/L                     | 1                        | Đạt                      |

|   | Thông số nhóm B                                         |   |   |           |    |     |
|---|---------------------------------------------------------|---|---|-----------|----|-----|
| 1 | Trực khuẩn mủ xanh<br>( <i>Pseudomonas aeruginosa</i> ) | 0 | 0 | CFU/100mL | <1 | Đạt |
| 2 | Tụ cầu vàng<br>( <i>Staphylococcus aureus</i> )         | 0 | 0 | CFU/100mL | <1 | Đạt |

**C. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không**

**D. ĐỀ NGHỊ (nếu có): Không**

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2025

Người lập

Đỗ Đoàn Thu Giang